

# ĐẶC ĐIỂM THẨM THỰC VẬT KHU VỰC SA PẢ - TÀ PHÌN TỈNH LÀO CAI

Nguyễn Hữu Tử, Nguyễn Viết Lương  
*Viện Địa lý*

Trương Quang Hải  
*Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN*

Khu vực Sa Pả - Tà Phìn thuộc huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai, có diện tích 5832 ha, tọa độ địa lý khoảng  $22^{\circ}21' - 22^{\circ}25'$  vĩ Bắc,  $103^{\circ}49' - 103^{\circ}55'$  kinh Đông. Để phục vụ mục đích xây dựng các hệ kinh tế sinh thái, thẩm thực vật (TTV) được điều tra chi tiết về sinh thái phát sinh, đặc điểm cấu trúc, phân bố trong không gian. Các vấn đề về hệ thực vật, phổ dạng sống, phổ yếu tố địa lý, dạng sinh trưởng hay đặc điểm lịch sử của thẩm thực vật không được đề cập sâu vì quy mô nghiên cứu trên diện hẹp. Ngược lại, các vấn đề tài nguyên và cây trồng lại được trình bày kỹ hơn vì tính chất thiết thực của chúng trong việc thiết lập các hệ kinh tế sinh thái. Các phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng gồm: thu thập tài liệu và các kết quả nghiên cứu trước đây về hệ thực vật khu vực Hoàng Liên - Sa Pa [1,3,4,5], phân tích ảnh máy bay để xác định sơ bộ sự phân bố các loại thẩm thực vật, kiểm chứng kết quả phân tích ảnh ngoài thực địa, khảo sát chi tiết vào tháng 5/2003 về điều kiện sinh thái phát sinh, đặc điểm phân bố, cấu trúc và thành phần loài của các kiểu thẩm thực vật, xây dựng bản đồ thẩm thực vật và phân tích đặc điểm thẩm thực vật khu vực nghiên cứu.

## 1. Các điều kiện sinh thái phát sinh thẩm thực vật

### 1.1. Địa hình

Khu vực nghiên cứu chủ yếu là địa hình núi thấp và núi trung bình có xen thung lũng ở độ cao 1000 - 2437m, thuộc sườn đông của dãy núi Hoàng Liên Sơn, thung lũng chính rộng 400 - 500m, ở độ cao 1200 - 1300m, nổi phần trung tâm của hai xã Sa Pả và Tà Phìn theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Một vài thung lũng hẹp dọc theo suối Móng Sến và dọc quốc lộ 4D theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, hẹp 200 - 300m. Bao quanh khu vực là các núi đá phiến sét, đá vôi cao 1400 - 1600m, phía Tây và Đông Nam có các núi đá granit cao 2000 - 2200m. Ảnh hưởng của địa hình đến TTV thể hiện sự thay đổi nhiệt ẩm theo độ cao địa hình tạo điều kiện hình thành các đai thực vật, đai đất theo nền nhiệt. Nhiệt độ thấp tạo điều kiện thuận lợi cho các loài cây thuộc khu hệ thực vật Hymalaya ở phía Bắc di cư xuống cũng như các loài thuộc khu hệ bản địa Đệ tam Bắc Việt Nam - Nam Trung Hoa cư trú và sinh trưởng. Là một bộ phận sườn Đông của dãy Hoàng Liên Sơn, địa hình núi của khu vực góp phần thuận lợi cho mưa địa hình do gió

dòng bắc thổi tới, hình thành nên một khí hậu ẩm, quyết định đến cấu trúc của các kiểu TTV. Hầu hết các loài cây gỗ chính của các kiểu rừng là các cây thường xanh với các bộ lá mang hình thái ưa ẩm, với kích thước to hay trung bình (theo tiêu chuẩn của Raunkier), mặt lá nhẵn. Đặc biệt, đó là sự phong phú của các loài Dương xỉ dưới tán rừng cũng như trong các kiểu thảm thực vật. Địa hình dốc cùng với lượng mưa lớn dễ tạo ra quá trình rửa trôi, xói mòn. Các cây gỗ lớn thường hiếm và chỉ phân bố trên đất dốc tụ ở các chân núi. Hệ thống núi ở khu vực có hướng chắn ngang luồng gió, đường đông và đỉnh như là các cửa thoát gió. Gió ở đây thường rất mạnh, tăng cường sự thoát hơi nước, cũng như hạn chế kích thước các cây. So với các sườn núi có cùng độ cao thì tại đường đông và đỉnh núi, các loài chịu lạnh, khô, chịu gió mạnh thường nhiều hơn và có kích thước kém hơn.

### **1.2. Khí hậu**

Khí hậu có ảnh hưởng quyết định đến cấu trúc của TTV. Sự phân hoá không gian của khí hậu tạo nên sự đa dạng của các kiểu TTV. Khu vực dưới 1600m thuộc khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng núi mát ( $15 - 20^{\circ}\text{C}$ ), biên độ nhiệt ngày trung bình ( $7 - 9^{\circ}\text{C}$ ), mưa vào mùa hè - thu với độ dài trung bình ( $6 - 7$  tháng, từ tháng 4 hay 5 đến tháng 10 hay 11), mùa khô ngắn ( $\leq 2$  tháng) [7]. Đặc trưng cho khí hậu này là rừng kín cây lá rộng thường xanh á nhiệt đới ẩm trên đất địa đới sâu dày, thoát nước tốt. Khu vực có độ cao trên 1600m thuộc khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng núi lạnh ( $< 15^{\circ}\text{C}$ ), biên độ nhiệt ngày nhỏ ( $5 - 7^{\circ}\text{C}$ ), mưa mùa hè - thu đông dài ( $\geq 8$  tháng), mùa khô ngắn ( $\leq 2$  tháng) [7]. Đặc trưng cho khí hậu này là rừng kín cây lá rộng (hoặc hỗn giao cây lá kim) thường xanh ôn đới ẩm trên đất địa đới sâu dày, thoát nước tốt.

Khí hậu còn có những ảnh hưởng khác đến thảm thực vật ở các mặt sau: nền nhiệt thấp và độ ẩm lớn đã tạo sự sinh trưởng thuận lợi của các loài cây á nhiệt đới ở khu vực thấp và các loài cây ôn đới ở khu vực cao. Trong thực tế, nhiệt độ thấp không thuận lợi cho việc canh tác các cây lương thực nhiệt đới quan trọng như sắn, khoai lang, lúa. Cây lúa cũng chỉ trồng được một vụ vào thời đoạn nhiệt cao (tháng 5 - 9). sắn và khoai lang trồng ở độ cao trên 1000m không cho củ. Các cây gỗ gây rừng có tốc độ phát triển nhanh như các loại Keo, Bạch đàn không có mặt. Ngược lại, một số cây thuốc, cây hoa quả, cây cảnh, hương liệu lại phát triển và có chất lượng tốt.

### **1.3. Đất**

Trong nghiên cứu TTV, đất được phân chia thành các đất thực vật làm cơ sở phân chia các kiểu TTV [2,6]. Trong khu vực gồm các loại đất địa đới, phi địa đới và nội địa đới.

#### **a. Đất địa đới**

Gồm các loại đất trên đồi núi có tầng đất tương đối dày, thoát nước tốt. Chế độ khô - ẩm trong đất quyết định tính chất cấu trúc của cây tương ứng với chế độ khô ẩm của khí hậu. Lớp phủ thổ nhưỡng có sự phân hoá theo đai cao:

- Từ 700 đến 1600m phổ biến là nhóm đất mùn đỏ vàng trên núi (tên gọi theo FAO-UNESCO - Humic Acrisols, tên Việt Nam là xám mùn trên núi, nhiệt độ giảm làm chậm quá trình phân giải các sản phẩm chết của thực vật, tạo ra chất hữu cơ thô chua, hàm lượng chất hữu cơ cao, từ 4 đến 10%.

- Trên 1600m, nhiệt độ giảm, mưa nhiều, độ dốc lớn, rửa trôi xói mòn mạnh, vỏ phong hoá mỏng, chất hữu cơ nhiều đẩy mạnh quá trình hydrat hoá làm tăng khả năng di động của oxyt sắt, đất được xếp vào nhóm đất mùn alit núi cao (Humic Alisols). Trên đất này hình thành kiểu TTV đặc trưng cho khí hậu là rừng kín cây lá rộng (hay hỗn giao cây lá kim) thường xanh ôn đới ẩm.

Tính chất vật lý của các loại đất địa đới như tầng dày, thành phần cơ giới có vai trò quan trọng đối với cấu trúc kiểu TTV thông qua lượng nước dùng được trong đất đối với các loài cây. Khu vực nghiên cứu có lượng mưa lớn, hầu như không có tháng khô, ảnh hưởng của tầng dày, thành phần cơ giới đất đến TTV không rõ. Ở mức độ chi tiết, nó có thể tạo ra sự khác biệt về thành phần loài.

#### *b. Đất phi địa đới*

Đá vôi bị biến chất thành đá hoa ở khu vực Sa Pả - Tà Phìn phân bố ở phần trung tâm và phía Nam xã Tà Phìn thành một dải hẹp kéo dài theo hướng Bắc - Nam và một khối nhỏ ở Tây Nam xã Sa Pả. Trên đất hình thành từ đá vôi, TTV có kích thước không lớn, sinh trưởng chậm và một số loài riêng biệt thích ứng với nồng độ  $Ca^{+2}$  cao. Các khu rừng trên núi đá vôi đã bị khai thác kiệt, hiện phổ biến các cây bụi xen cây gỗ nhỏ sót lại hay tái sinh.

#### *c. Đất nội địa đới*

Phân bố thành các dải nhỏ hẹp dọc theo các thung lũng, một phần tích đọng nước quanh năm trên phù sa hiện đại. Trong đất quá trình tích đọng mùn, bã thực vật và quá trình gầy là chính. Trên đất này thường có các trảng cây bụi cỏ ưa ẩm hay các cây cỏ thủy sinh. Ngày nay, loại TTV này đã bị khai phá hầu hết để trồng lúa nước.

### **1.4. Nhân tác**

TTV ở khu vực nghiên cứu đã bị con người khai thác từ lâu với cường độ mạnh. Hình thức tác động chủ yếu là khai phá rừng lấy gỗ, củi, làm nương rẫy, trồng lúa. Rừng chỉ còn diện tích nhỏ trên các mỏm núi cao với cấu trúc không hoàn chỉnh. Các khu rừng thứ sinh được hồi phục cũng không có nhiều. Phần lớn diện tích TTV tự nhiên là trảng cây bụi, trảng cỏ. Hiện tại, ngành sản xuất chính của khu vực là nông nghiệp với tỷ lệ đất canh tác trên đầu người rất thấp.

Con người đã tạo ra những quần xã cây trồng khá ổn định như: lúa nước trên các địa hình bằng, thấp, thuận lợi tích nước, trên các ruộng bậc thang, vườn trồng cây ăn quả và rừng trồng. Quần xã cây trồng trên nương rẫy không ổn định, thường thay

đổi diện tích và vị trí. Phương thức canh tác này là nguyên nhân chính hình thành các kiểu TTV thứ sinh như trồng cây bụi, thảm cỏ.

Nguồn tài nguyên thực vật khá đa dạng nhưng trữ lượng rất thấp. Để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của dân thì việc khôi phục và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thực vật là một vấn đề cấp thiết. Trước mắt cần phải du nhập các giống cây lương thực có năng suất cao, cải tạo hệ thống thuỷ lợi nhằm giải quyết vấn đề lương thực. Việc phục hồi rừng và tăng diện tích trồng Sa mu, tre, tăng nguồn gỗ, vật liệu xây dựng, củi ở địa phương cũng là việc quan trọng. Việc trồng cây ăn quả, rau ôn đới, mận, nhãn, trồng cây cảnh, nuôi ong... sẽ là thế mạnh trong phát triển kinh tế và tận dụng được nguồn tài nguyên thực vật và phù hợp với điều kiện sinh thái ở địa phương.

## 2. Thảm thực vật

Phần lớn TTV tự nhiên ở độ cao dưới 1600m đã được thay thế bởi TTV trồng Khu vực có địa hình thấp, độ dốc nhỏ được sử dụng trồng lúa nước và làm nương rẫy. Trên các núi thấp nhưng dốc, khó canh tác có trồng cây bụi cỏ thứ sinh và rừng trồng. Rừng tự nhiên phần lớn chỉ còn trên các đỉnh núi cao và sườn dốc.

### 2.1 Thảm thực vật tự nhiên

Dưới tác động của qui luật đai cao, TTV trong khu vực phân hoá thành 2 vành đai khác nhau về thành phần loài và cấu trúc TTV.

#### 2.1.1. Vành đai thảm thực vật á nhiệt đới ở độ cao dưới 1600m

##### a. Rừng kín cây lá rộng thường xanh á nhiệt đới ẩm

Phân bố ở thôn Tà Chải (xã Tà Phìn), thôn Giàng Cha và một số phần ở thôn Sả Ség (xã Sa Pả).

Hầu hết các cây gỗ có bộ lá rộng thường xanh. Vào thời kỳ lạnh nhiều loài cây rụng lá nhưng chỉ có một số loài rụng lá hoàn toàn, điển hình có *Cornus controversa* (Giác mộc), *Beilschmiedia roxburghiana* (Chập chại, Bạch mi)... Thời kỳ ra hoa tập trung vào tháng 4 - 6, quả chín vào tháng 8 - 10. Cây có hoa ở thân, cây có bạnh vè, cây dạng thất cổ không nhiều.

Hầu hết các khu rừng đều mang cấu trúc của rừng thứ sinh rõ rệt với tán cây bị đứt quãng và thiếu vắng các loài gỗ lớn có chất lượng tốt. Nơi rừng tốt, trên đá phiến sét và granit có thể phân các tầng như sau:

- Tầng cây gỗ cao 12 - 15m che phủ 40 - 50%. Các cây gỗ ưu thế thuộc tầng tán rừng thuộc họ Fagaceae (Đẻ), Magnoliaceae (Ngọc lan), Lauraceae (Long não)...

- Tầng cây bụi cây gỗ nhỏ cao 2 - 8m gồm các cây gỗ nhỏ chờ cơ hội vươn lên tầng trên và các cây bụi như các cây họ Palmae (Cau dừa), Cyathea (Ráng Tiên tọa),

Cibotium (Lông cu li), Annonaceae (Na), Rubiaceae (Cà phê), Rutaceae (Cam chanh) và Tre, Trúc: Arundinaria, Phyllostachys.

- Tầng cỏ, quyết dưới 2m, che phủ kín, gồm các cây cỏ thuộc ngành Dương xỉ (*Asplenium, Diplazium, Plagiogyra, Polystichum, Tectaria, Angiopteris, Dicranopteris, Diptopteridium, Hicriopteris*), và các loài thuộc họ Poaceae (Hoà thảo), Cyperaceae (Cói), Zingiberaceae (Gừng), Scrophulariaceae (Hoa môi), Araceae (Ráy)... và các cây con của các cây gỗ ở tầng trên.

#### b. Trảng cây bụi thứ sinh

Trảng cây bụi được hình thành trên đất bỏ hoang sau quá trình khai thác rừng làm đất canh tác, phân bố ở phía Tây Nam và một phần nhỏ trên các đồi gần trung tâm xã Tà Phìn, trên núi đá vôi ở Đông Nam xã Sa Pả.

Các cây bụi đều có bộ lá rộng, kích thước lá trung bình. Các cây có gai không nhiều. Nhiều loài ra hoa vào tháng 4 - 6, quả chín vào tháng 8 - 9.

Trên đất có tầng dày, trảng cây bụi cao 2 - 5m, che phủ kín, nhiều dây leo, tầng cỏ và cây bụi không phân tầng rõ, cùng với một số cây gỗ nhỏ của rừng sót lại cũng như các cây gỗ tái sinh tạo nên một cấu trúc lộn xộn. Trên đất mỏng trảng cây bụi có cấu trúc rõ ràng. Tầng cây bụi cao 2 - 3m, che phủ 60 - 70%, tầng cỏ dày đặc thấp hơn 0,5m, dây leo ít.

Thành phần loài khá phức tạp, nhưng dễ dàng nhận thấy ở trảng cây bụi vắng mặt rất nhiều loài trong các họ Rubiaceae, Myrsinaceae, Rutaceae, Euphorbiaceae... đặc trưng cho trảng cây bụi vùng thấp. Ngược lại các cây bụi trong họ Rosaceae, Ericaceae lại có số lượng đông đảo, chiếm ưu thế.

#### c. Trảng cỏ thứ sinh

Trảng cỏ thứ sinh được hình thành trên các đất canh tác bỏ hoang. Đất dưới trảng cỏ mỏng và nghèo dinh dưỡng. Sau một thời gian, đất dần được cải thiện về tính chất vật lý và hoá học, các cây bụi dần tái sinh. Trên đá vôi, đất chỉ còn ở các hốc đá nên trảng cỏ thưa thớt và nghèo về thành phần loài.

Trảng cỏ phân bố lân cận các khu vực dân cư và đất canh tác, trên đất hình thành từ đá vôi phía Tây Nam xã Sa Pả, trên đất hình thành từ đá granit và đá phiến sét ở khu vực ranh giới giữa 2 xã.

Phần lớn các cây cỏ ở dạng trung sinh (không thể hiện ưa ẩm hay chịu khô hạn), cỏ lưa niên. Số lượng cỏ nhất niên không đáng kể. Thời kỳ ra hoa kéo dài từ tháng 4 đến tháng 8.

Trên đất có tầng dày trảng cỏ cao dưới 2m, cấu trúc thảm lộn xộn, gồm cỏ cao, cỏ thấp, cây bụi, độ che phủ 80 - 90%. Trên đất bị gia súc giẫm đạp, trảng cỏ cao dưới 10cm, tầng cỏ đều đặn, che phủ kín. Ở những nơi đất phát triển trên đá vôi trảng cỏ cao

trên 2m, tầng cỏ thể hiện rõ với ưu thế của *Arundo donax*. Trên đất dốc tụ của đá vôi có trảng cỏ cao trung bình (1,5 - 2m), che phủ kín với ưu thế của *Imperata cylindrica*.

Trong trảng cỏ các cây họ Asteraceae, Fabaceae, Lamiaceae, Rosaceae, Urticaceae... chiếm ưu thế. Các cây cỏ thuộc Poaceae (Hoà thảo) chỉ chiếm diện tích nhỏ ở những nơi có điều kiện thổ nhưỡng đặc biệt.

### 2.1.2. Thảm thực vật nhiệt đới đai cao trên 1600m

Đai địa hình núi trung bình của khu vực nghiên cứu bao gồm các núi có độ cao từ 1600m đến 2300m. Ở vành đai á nhiệt đới này, thảm thực vật tự nhiên đã bị con người khai thác mạnh mẽ. Phần lớn diện tích ở vành đai này là trảng cây bụi, trảng cỏ thứ sinh, một phần nhỏ diện tích là nương rẫy. Rừng phần lớn chỉ còn ở các đỉnh núi cao trên 2000m.

#### a. Rừng kín cây lá rộng, cây lá kim ôn đới ẩm

Rừng phân bố trên các mỏm núi phía Tây của xã Tà Phìn, phía Đông Nam của xã Sa Pa. Hầu hết các cây gỗ hiện tại của rừng đều có lá rộng thường xanh. Một số loài rụng lá tập trung vào thời kỳ lạnh. Mùa hoa muộn hơn so với rừng á nhiệt đới, thường vào tháng 7 - 8. Rừng ở đai cao thuộc khu vực Sa Pa có số lượng đáng kể các cây Hạt trần có lá dạng vảy hay dạng kim (điển hình là cây Sa mu). Càng lên cao số lượng của chúng càng tăng dần. Qua đợt khảo sát (5/2003) thì trên các đỉnh núi chỉ còn sót lại các gốc Sa mu đã bị khai thác.

Cấu trúc của rừng có thể phân thành các tầng như:

- Tầng cây gỗ cao 15 - 18m, đường kính thân cây 30 - 50cm, độ che phủ 40 - 50% với ưu thế của các cây họ *Fagaceae* (Dẻ), *Lauraceae* (Long nã), *Theaceae* (Chè), *Magnoliaceae* (Ngọc Lan), *Aceraceae* (Thích).

- Tầng dưới tán gồm các cây gỗ nhỏ cao 8 - 12m, mọc rải rác gồm các loài như *Eurya griffithii*, *Acer campbellii*, *Garuga yunnanensis*, *Symplocos dubius*, *Clerodendron*, *Schefflera*, *Rhododendron*...

- Tầng cây bụi và các cây gỗ nhỏ, các loài Trúc cao 2 - 8m.

- Tầng cỏ gồm Poaceae, Cyperaceae (*Carex onamocarya*, *C. baccans*, *C. kucynakii*, *C. insignis*, *C. kucyniakii*, *C. trichophylla* và các loài Dương xỉ cao dưới 2m với các chi như *Tectaria*, *Diplazium*, *Pteris*, *Dipteris*, *Alenium*, *Polystichum*, *Plagiogyria*, *Botrychium*, *Selaginella*...

Cây phụ sinh rất phổ biến như các loài thân gỗ thuộc *Schefflera* (Chân chim), nhiều loài *Vaccinium* (Sơn trà)... Các loài thân thảo thuộc họ Orchidaceae: *Dendrobium*, *Cymbidium*, *Vanda*, *Orchis*, *Luisa*,... thuộc Dương xỉ có: *Vittaria*, *Asplenium*, *Drynaria*, *Hymenophyllum*, *Trichomanes*, *Vandesboschia*.

Các cây bán ký sinh có *Viscum*, *Loranthus* và ký sinh trên rễ có *Balanophora*... Dây leo ít, thuộc Actinidaceae (họ Dương đào), Celastraceae (Chân danh)...

#### b. Trảng cây bụi thứ sinh

Cũng như ở vành đai á nhiệt đới, trảng cây bụi được hình thành trên đất bỏ hoang sau canh tác. Giai đoạn đầu là các cây cỏ tái sinh tạo thành trảng cỏ. Đất dần được cải tạo và các cây bụi tái sinh. Một số diện tích cây bụi được hình thành trực tiếp sau khi rừng bị khai thác kiệt. Đất dưới trảng cây bụi tương đối dày nên các cây gỗ có thể tái sinh nhanh.

Trảng cây bụi phân bố khá phổ biến ở vùng núi phía Đông của 2 xã. Các cây bụi có bộ lá rộng, thường xanh, kích thước lá trung bình, mùa hoa tập trung vào tháng 6 - 8. Chúng đều là những loài ưa sáng.

Cấu trúc của trảng cây bụi ôn đới ít phức tạp hơn so với ở vùng thấp. Các cây bụi cao 3 - 4m, che phủ 80 - 90%, dây leo ít, tầng cỏ thể hiện không rõ. Trên núi đá vôi các cây bụi có kích thước khác nhau tạo thành TTV có cấu trúc lộn xộn hơn, độ che phủ thưa hơn, dây leo và cỏ ít.

Thành phần loài của trảng cây bụi ở đây ít phức tạp hơn so với trảng cây bụi ở vùng thấp. Các họ ưu thế gồm Ericaceae, Myrsinaceae, Rosaceae.

#### c. Trảng cỏ thứ sinh

Trảng cỏ ở đai cao và ẩm được hình thành trên đất canh tác bỏ hoang, nơi đất phát triển trên đá granit ở khu vực núi phía Đông Bắc và phía Tây của xã Tà Phìn, phía Đông Nam của xã Sa Pả.

Các loài cỏ ra hoa tập trung vào tháng 6 - 8, sinh trưởng tốt vào thời gian 4 - 9, bắt đầu lụi tàn vào tháng 10 - 11. Nhiều loài có thân ngầm để tồn tại qua mùa rét.

Tầng cỏ cao dưới 0,5 - 0,6m, che phủ kín, xen lẫn một số cây bụi. Nơi gần rừng, trên đất dày, các cây cỏ Dương xỉ như *Histiopteris incisa* (Ngũ vĩ) cao đến 2m che phủ kín.

Các loài trong họ cỏ (Poaceae) không có vai trò quan trọng. Thời tiết luôn có mưa mù nên các cây cỏ thuộc Khuyết thực vật phát triển thuận lợi. Ngoài ra các cây, cỏ thuộc các họ Clusiaceae, Rosaceae, Asteraceae, Lamiaceae, Melastomataceae cũng có nhiều cá thể và chiếm ưu thế trong trảng cỏ cây bụi. Số lượng cỏ một năm khá nhiều trong trảng cỏ và tăng dần theo độ cao.

#### d. Rừng tre, nứa thứ sinh

Ở khu vực núi phía Tây, giáp ranh với Sa Pả và Tà Phìn ở độ cao 2200m, gần với đỉnh núi, trên đất feralit mùn hình thành từ đá granit, có một mảng rừng tre nứa cao 5 - 7m, che phủ 70 - 80%, rộng khoảng 0,5 ha. Đất feralit mùn có hàm lượng K trao đổi cao (59,6mg/100g đất), địa hình không dốc đã hạn chế lượng K<sup>+</sup> bị rửa trôi có lẽ tạo điều

kiện cho sự tồn tại của rừng này. Loài tre này cao có giống khoảng 30 - 40cm, vách mỏng khoảng 0,6 - 0,8cm. Ranh giới không rõ ràng của rừng tre nửa với rừng vì trắng cây bụi ở xung quanh chúng tỏ khá chắc chắn rằng chúng có nguồn gốc thứ sinh.

## 2.2. Thâm thực vật trồng

### a. Rừng trồng

Rừng trồng phân bố ở các đồi núi thấp lân cận trung tâm hai xã. Cây trồng là *Cunninghamia lanceolata* (Sa mu). Các cây sinh trưởng tốt, sau 8 năm các cây cao 5 - 8 m, đường kính 10 - 15cm. Trong tương lai, loài cây này sẽ là nguồn cung cấp gỗ, củi đốt chính của địa phương. Một loại Tre (*Bambusa* sp.) cao 8 - 10m, đường kính 8 - 10cm, không gai, vách dày trên 1cm được trồng trong các gia đình và thành rừng. Cây này cũng sinh trưởng tốt và có giá trị trong xây dựng, làm ống dẫn nước và có giá trị hàng hoá.

Cây *Fokienia hodginsii* (Pơmu) là loài quý hiếm, trước đây khá phổ biến trong rừng ở địa phương cũng đã được gây trồng và sinh trưởng tốt. Cây này có khả năng trồng đại trà.

### b. Lúa và hoa màu

Cây trồng hàng năm chủ yếu là lúa, ngô, khoai lang, đậu và rau các loại nhằm cung cấp lương thực, thực phẩm cho dân cư, làm thức ăn gia súc hoặc nấu rượu. Lúa nước được trồng trên đất phù sa, đất dốc tụ dọc theo các thung lũng, ở chân các sườn đồi hay trên ruộng bậc thang. Hiện nay giống lúa Tam ưu, Nhị ưu và cây ngô lai năng suất cao đã được đưa vào sản xuất. Năng suất lúa đạt 33 tạ/ha, năng suất ngô khoảng 16 tạ/ha. Cây lúa thường trồng một vụ, cấy vào tháng 2 - 3 và thu hoạch vào tháng 8 - 9, lúa nương trồng muộn hơn vào tháng 5 khi bắt đầu mùa mưa. Cây lanh để lấy sợi và cây chàm mèo dùng để nhuộm vải được trồng trên đất mùn đỏ vàng (Humic Acrisols) ở các đồi có độ dốc vừa phải.

### c. Cây ăn quả và cây dược liệu

Cây ăn quả được trồng thành vườn có đào, mận. Đây là các cây ăn quả lâu năm, rụng lá mùa đông. Cây đào chịu hạn tốt nhờ bộ rễ mọc khoẻ, nhanh. Đào đã được trồng ở những nơi đất có tầng dày khá, cấu tượng tốt, giữ ẩm tốt, dễ thoát nước, độ mùn khá như đất dốc tụ, đất feralit đỏ vàng.

Mận thích nghi với khí hậu lạnh và ẩm, nhu cầu về độ lạnh từ 700 - 1000 giờ nhiệt độ không khí dưới 7,2°C. Mận có bộ rễ ăn nông nên khả năng chịu hạn kém và phải tưới khi thời kỳ khô kéo dài, đặc biệt vào thời kỳ quả đang lớn. Mận chịu được những nơi ánh sáng yếu nhưng không quá rợp dưới bóng cây. Một số loài cây ăn quả khác như Lê, Mắc cốp, Táo mèo được trồng trong vườn hoặc trên nương với diện tích nhỏ.



Chè Nhật là cây thuốc quý, đang được trồng thử nghiệm ở khu vực nghiên cứu. Chè Nhật có nhiều công dụng, hoa và lá sắc uống giúp giải nhiệt, bổ gan, tinh dầu có tác dụng chống vi rút gây bệnh sốt rét, điều chỉnh hệ miễn dịch, kháng khuẩn, chống loét, chống ung nhọt. Chè Nhật ưa đất thịt nhẹ và trung bình, đất ẩm và độ phì khá, thích hợp độ cao từ 1200 - 1800m. Khu vực Sa Pả - Tà Phìn có thể đáp ứng được nhu cầu sinh thái của cây chè Nhật.

Thảo quả là cây dược liệu có giá trị kinh tế, được trồng nhiều dưới tán rừng ở các thôn Lủ Khấu, Tà Chải (xã Tà Phìn), thôn Giảng Cha và Sầu Chua (xã Sa Pả). Thảo quả là cây có quả vừa làm thuốc, vừa làm gia vị. Cây thảo quả ưa ẩm, ưa bóng nên được trồng dọc theo suối, đặc biệt dưới tán rừng có độ che phủ trên 20%. Thảo quả thích hợp với đất giàu mùn và vùng cao giá lạnh nhiều sương mù. Thảo quả cho thu hoạch vào năm thứ 4 trong vòng đời 15 năm với năng suất 4,5 - 6,5 tạ/ha. Thảo quả là cây có triển vọng do thích hợp với điều kiện sinh thái ở địa phương và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

#### 4. Kết luận

Hệ thực vật khu vực Sa Pả - Tà Phìn mang đặc điểm của thực vật vùng núi nhiệt đới với các loài thuộc yếu tố á nhiệt, ôn đới chiếm tỷ lệ lớn trong hệ thực vật và giữ vai trò quan trọng trong cấu trúc của các kiểu thảm thực vật.

Các nhân tố sinh thái phát sinh thảm thực vật chủ yếu trong khu vực là địa hình, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và đặc biệt là hoạt động của con người. Thảm thực vật trong khu vực nghiên cứu phân hoá thành vành đai thảm thực vật á nhiệt đới và vành đai thảm thực vật nhiệt đới đai cao với ranh giới ở độ cao khoảng 1600m.

Thảm thực vật tự nhiên gồm có rừng kín cây lá rộng thường xanh á nhiệt đới ẩm, rừng kín cây lá rộng (hay hỗn giao với cây lá kim) ở đai cao ẩm và các kiểu thảm thú sinh như trảng cây bụi, trảng cỏ, rừng tre nứa. Rừng tự nhiên chỉ còn diện tích nhỏ và ở trạng thái rừng nghèo hay không có trữ lượng. Thảm thực vật trồng có rừng trồng, lúa nước, lúa nương, cây màu, vườn cây ăn quả và cây dược liệu.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lập Dân và nnk. *Nghiên cứu đánh giá các hệ sinh thái đặc trưng vùng núi cao Fanxipan*, Đề tài độc lập cấp Nhà nước, Viện Địa lý, Hà Nội, 1997.
2. Hội Khoa học Đất Việt Nam, *Đất Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2000.
3. Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam*, tập I, II và III, NXB Trẻ TP. HCM, 1999 - 2001.
4. Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Thị Thời, *Đa dạng thực vật có mạch vùng núi cao Sa Pa - Fanxipan*, NXB ĐHQG Hà Nội, 1998.
5. Đỗ Hữu Thư và nnk, *Thảm thực vật vùng núi cao Fanxipan*, Tuyển tập các công trình nghiên cứu sinh thái tài nguyên sinh vật, tr. 147-155, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1995.

6. Thái Văn Trưng, *Những hệ sinh thái rừng nhiệt đới ở Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1999.
7. Nguyễn Khanh Vân, Những đặc điểm sinh khí hậu với sự phân bố các kiểu thảm thực vật tự nhiên và việc đánh giá tài nguyên sinh khí hậu Việt Nam, *Tuyển tập các công trình nghiên cứu địa lý*, tr. 158-164, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1994.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE. Nat., Sci., & Tech., T. XIX, N<sup>o</sup>4, 2003

## CHARACTERISTICS OF VEGETATION IN SA PA - TA PHIN AREA LAO CAI PROVINCE

Nguyen Huu Tu, Nguyen Viet Luong  
*Institute of Geography*

Truong Quang Hai  
*College of Science, Vietnam National University, Hanoi*

Main ecological genetic factors of vegetation in the study area are landform, climate, soil conditions and human activities. The changes of terrain elevation are the cause of difference in thermal - humid conditions, soil characteristics and the formation of two altitudinal belts of vegetation: subtropical vegetation belt and temperate vegetation belt. Natural vegetation consists of the following vegetation types: subtropical humid closed evergreen forest, temperate humid closed evergreen forest, closed mixed forest and secondary vegetation types such as shrub, grass, bamboo. Planted vegetation types are planted forest, rice, vegetable, fruit trees. Areas of low land mainly have been used for agricultural development.